

Ngày 30/09/2025	90,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.8%	57.9%	78.0%

	Q3/25	
ROE	8.4%	+/- YoY ▼ 1.1%

	Q3/25		
DT thuần	506	QoQ ▲ 231 ▲ 83.9%	YoY ▲ 26.0 ▲ 5.4%
		tỷ VNĐ	

	9T 2025	
DT thuần	1,127	YoY ▲ 28.0 ▲ 2.5%
		tỷ VNĐ

	Q3/25		
LN gộp	179	QoQ ▲ 100 ▲ 127%	YoY ▼ 4.00 ▼ 2.0%
		tỷ VNĐ	

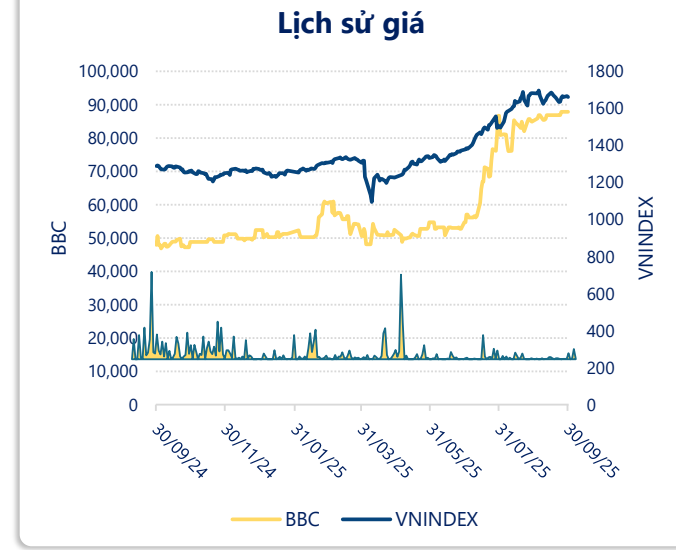
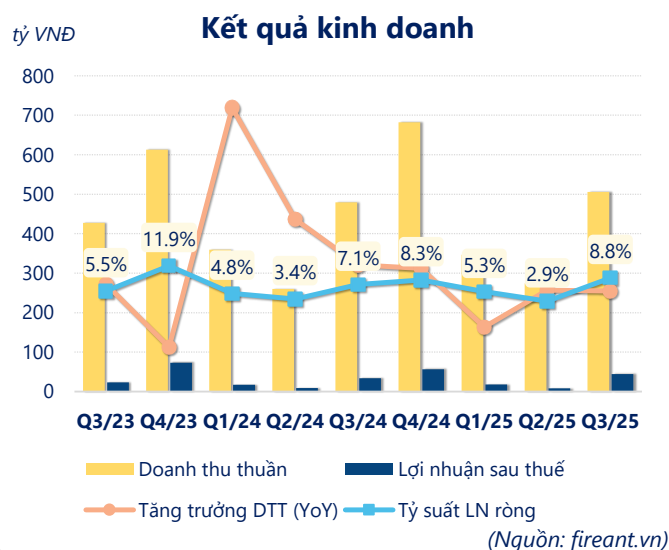
	9T 2025	
LN gộp	364	YoY ▼ 2.00 ▼ 0.5%
		tỷ VNĐ

	Q3/25		
LN thuần	51.9	QoQ ▲ 38.0 ▲ 273%	YoY ▲ 12.9 ▲ 33.0%
		tỷ VNĐ	

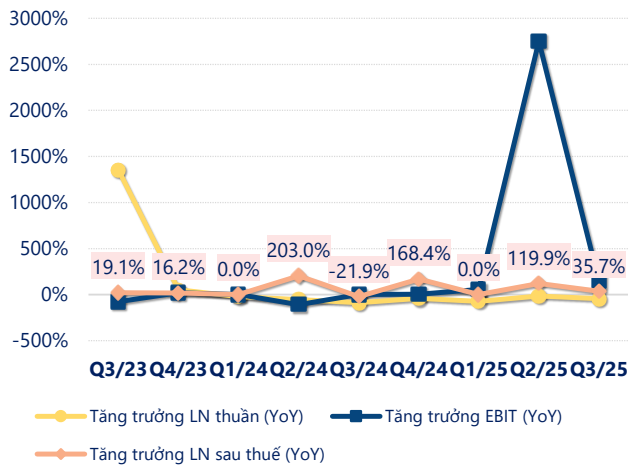
	9T 2025	
LN thuần	87.1	YoY ▲ 20.0 ▲ 29.9%
		tỷ VNĐ

	Q3/25		
LN sau thuế	44.6	QoQ ▲ 36.6 ▲ 461%	YoY ▲ 10.5 ▲ 30.9%
		tỷ VNĐ	

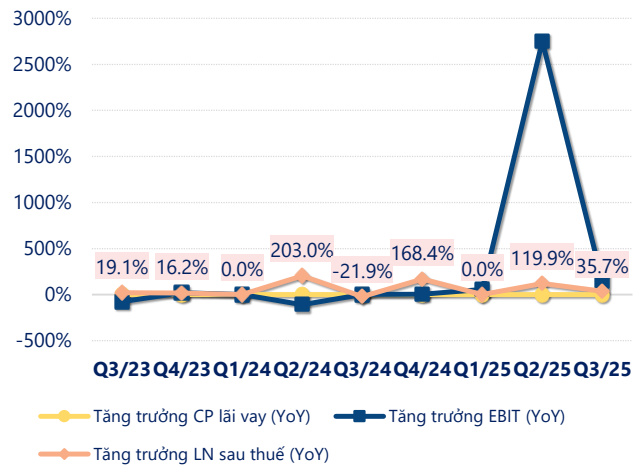
	9T 2025	
LN sau thuế	70.9	YoY ▲ 10.5 ▲ 17.4%
		tỷ VNĐ



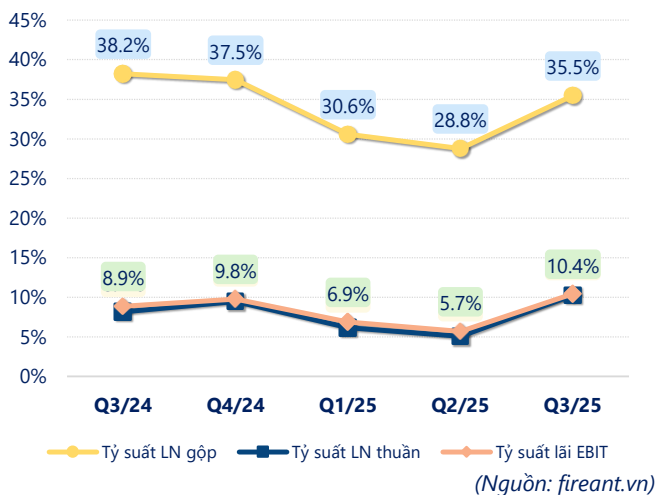
Tăng trưởng lợi nhuận



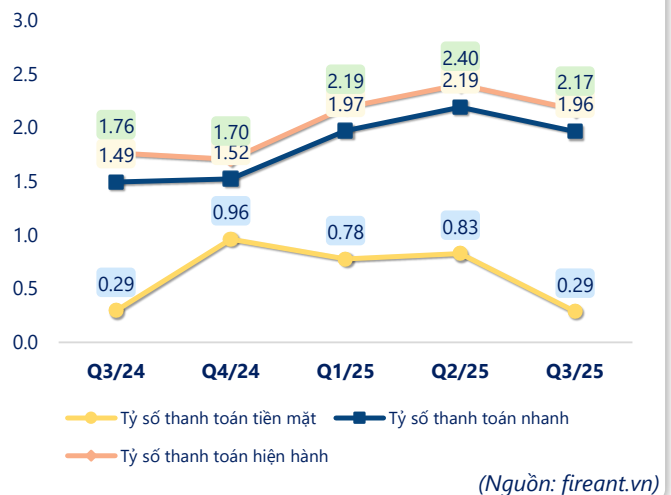
Tăng trưởng chi phí



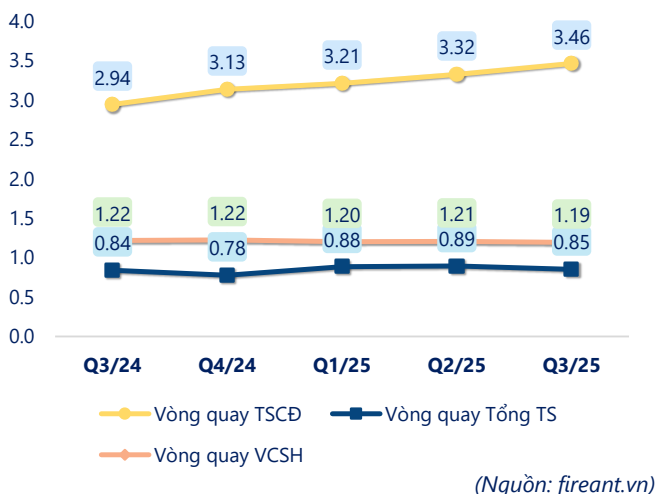
Tỷ suất lợi nhuận



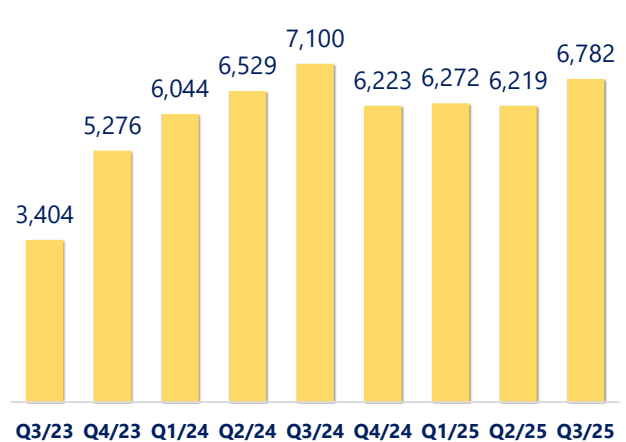
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	506	480	5.4%	1,127	1,099	2.5%
Giá vốn hàng bán	326	296	10.3%	763	733	4.1%
Lợi nhuận gộp	179	183	-2.0%	364	366	-0.5%
Doanh thu HĐTC	13.1	11.5	13.8%	38.3	40.0	-4.4%
Chi phí TC	1.81	9.17	-80.2%	7.35	21.8	-66.3%
Chi phí lãi vay	1.43	3.69	-61.3%	5.92	12.0	-50.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	109	124	-11.8%	237	257	-7.8%
Chi phí QLDN	29.4	22.6	30.2%	71.2	60.7	17.3%
LN thuần từ HĐKD	51.9	39.0	33.0%	87.1	67.1	29.9%
Lợi nhuận khác	-0.58	-0.11	-426%	-0.95	0.41	-333%
LN trước thuế	51.3	38.9	31.8%	86.2	67.5	27.7%
Lợi nhuận sau thuế	44.6	34.1	30.9%	70.9	60.4	17.4%
LNST của CĐ cty mẹ	44.6	34.1	30.9%	70.9	60.4	17.4%

(Nguồn: fireant.vn)

